

ASEAN TRỖI DẬY- ASEAN VÀ CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (AEC) SAU 2015!

*(Tài liệu tham khảo được dịch và tổng hợp trên cơ sở Báo cáo nghiên cứu của
Viện nghiên cứu kinh tế ASEAN và Đông Á -ERIA-)*

ASEAN TRỖI DẬY- ASEAN VÀ CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (AEC) SAU 2015

Trong bối cảnh ASEAN đang gấp rút chuẩn bị cho việc hình thành mục tiêu Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào năm 2015, Viện Nghiên cứu Kinh tế về ASEAN và Đông Á (ERIA) đã thực hiện nghiên cứu “*ASEAN Rising- ASEAN and AEC beyond 2015*” (tạm dịch là “*ASEAN trỗi dậy: ASEAN và AEC sau 2015*”) với sự phối hợp của các viện, trung tâm nghiên cứu ở các nước Indonesia, Malaysia, Myanmar và Philippines. Báo cáo nghiên cứu được kết cấu gồm nhiều phần và đưa ra một số khuyến nghị chính sách giúp ASEAN và khu vực tin tưởng vào mục tiêu 2015 và những năm tiếp theo.

ASEAN và AEC: Tiến triển và thách thức

ASEAN đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận với tiến trình phát triển về kinh tế trong suốt những năm qua. Một số nước thành viên ASEAN đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế và từ những thành tựu kinh tế đã kéo theo sự phát triển về xã hội. Cùng với đó là những dấu ấn quan trọng về hội nhập kinh tế.

Trong những năm 1990 và những năm 2000, với sự nỗ lực hội nhập kinh tế của ASEAN và Đông Á, ASEAN đã trở thành điểm tựa và nền tảng của hội nhập Đông Á. Sự hội nhập kinh tế nhanh chóng của ASEAN diễn ra đồng thời với việc làm sâu sắc hơn các liên kết kinh tế giữa các nước thành viên ASEAN và với phần còn lại của Đông Á.

Nỗ lực hội nhập kinh tế của ASEAN được nhìn nhận một cách chân thực với những kết quả to lớn trong hai thập kỷ qua, kể từ khi thực thi các thỏa thuận ưu đãi thuế quan ASEAN của những năm 1980 đến quyết định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN (AFTA) vào đầu những năm 2000 hướng tới hình thành Cộng đồng ASEAN, trong đó có Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC).

Sự phát triển bên ngoài đã góp phần đẩy nhanh tiến trình hội nhập trong ASEAN. Năm 1989, e ngại về “pháo đài châu Âu”, với sự hình thành Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) và APEC, các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN nhận thấy cần phải nâng cao hội nhập ASEAN, vì vậy một Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) đã được hình thành và ra đời vào đầu những năm 1990. Tương tự như vậy, sự dịch chuyển lợi ích của các nhà đầu tư sang Trung Quốc đã tạo áp lực để việc xây dựng AEC vào năm 2020 được đẩy nhanh vào năm 2015.

Tuy nhiên, sự năng động của tiến trình ASEAN trong hợp tác khu vực có thể được xem là động lực cho hội nhập kinh tế sâu hơn trong ASEAN. Một vài năm sau khi AFTA ra đời, Tầm nhìn ASEAN 2020 được thông qua tại Hội nghị Cấp cao không chính thức lần thứ 2 tại Kuala Lumpur, Indonesia, năm 1997, chỉ vài tháng sau khi nổ ra cuộc khủng hoảng Đông Á tại Thái Lan. Văn bản này đã góp phần định hình nên

ASEAN trong thế kỷ 21 với các yếu tố cốt lõi được đưa vào Kế hoạch Tổng thể xây dựng AEC.

Kế hoạch Tổng thể xây dựng AEC 2009-2015 (AEC Blueprint) được thông qua năm 2009 tại Tuyên bố Cha Am Hua Hin về Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN 2009-2015 cùng với các kế hoạch tổng thể về Cộng đồng Chính trị An ninh ASEAN và Cộng đồng Văn hóa, Xã hội ASEAN. Viện nghiên cứu ERIA đã thực hiện Rà soát giữa kỳ về tình hình thực thi AEC Blueprint năm 2012, trong đó nêu bật một số kết quả của ASEAN hướng đến AEC 2015, bao gồm:

- Thuế quan trong ASEAN (Hiệp định thuế quan ưu đãi- CEPT) đã giảm đáng kể trong thập kỷ qua. Đối với ASEAN-6, tỷ lệ hàng hóa với thuế suất 0% đã tăng từ 40% năm 2000 lên 99,11% năm 2012. Tỷ lệ thuế quan 0% đối với các nước CLMV (Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam) đã tăng từ 10% năm 2000 lên 67,6% năm 2012. Thuế suất CEPT bình quân cho CLMV là 1,69% năm 2012 trong khi ASEAN-6 đã về 0 đến 0,05% kể từ năm 2010. Việc xóa bỏ thuế quan là điều kiện thiết yếu cho bất kỳ khu vực thương mại tự do nào, và ASEAN đang đi trên con đường đó.

- ASEAN đang nỗ lực để thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia và Cơ chế hải quan một cửa ASEAN. Hiện nay, 5 nước thành viên ASEAN đã có cơ chế hải quan một cửa (Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, và Thái Lan), Brunei đã vận hành cơ chế này vào Quý IV năm 2013. Dù mất nhiều thời gian, sự hợp tác liên ngành của các cơ quan chính phủ liên quan đến thương mại và các nguồn lực tài chính đã được huy động để vận hành cơ chế một cửa, trong đó Singapore và Malaysia đã thực hiện đầy đủ các cơ chế này. Indonesia, Philippines và một số nước khác như Việt Nam đều có nhiều cảng biển lớn và hoàn toàn có khả năng triển khai cơ chế một cửa trên diện rộng.

- Dựa vào các cam kết tự do hóa đầu tư trong ACIA, hầu hết các nước thành viên ASEAN đều có chế độ đầu tư tương đối tự do trong lĩnh vực hàng hóa, đặc biệt là ngành chế biến. Vì vậy, để mở rộng mức độ tự do hóa, các nước ASEAN đang hướng tới sự lưu chuyển tự do của đầu tư và đây là một trong những chiến lược hội nhập kinh tế chính trong ASEAN. Kết quả khảo sát khu vực tư nhân cho thấy các doanh nghiệp trong khu vực ghi nhận những cải thiện ở các nước về thuận lợi hóa đầu tư cũng như môi trường đầu tư chung trong những năm gần đây. Trong Báo cáo “Triển vọng kinh doanh ASEAN 2014” do Phòng Thương mại và công nghiệp Hoa Kỳ thực hiện tại ASEAN cũng cho thấy sự cải thiện ngày càng tăng trong hầu hết các nhân tố tác động đến sự hài lòng của nhà đầu tư đối với môi trường kinh doanh ở ASEAN, đặc biệt là Philippines.

- ASEAN đã có tiến triển đáng kể về vận tải hàng không theo công thức ASEAN-X trong khuôn khổ Hiệp định Đa phương về tự do hóa hoàn toàn vận tải hàng không (MAFLAFS), Hiệp định Đa phương về dịch vụ hàng không (MAAS) và Hiệp định Đa phương về tự do hóa hoàn toàn dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường hàng không (MAFLPAS). Cùng với tăng trưởng của thương mại nội khối ASEAN, du lịch ASEAN và chi phí vận tải thấp, ngành lữ hành hàng không cũng có bước tăng

trường đáng kể. Tuy nhiên, chưa có thị trường hàng không thống nhất ASEAN vì chưa có đủ tất cả các nước ASEAN ký kết và phê chuẩn các hiệp định nêu trên.

- Mặc dù đối mặt với một số khó khăn, một loạt các vòng đàm phán Hiệp định Khu vực ASEAN về thương mại dịch vụ (AFAS), theo phương thức đã thống nhất và để đạt được mục tiêu rõ ràng: các cam kết tự do hóa dịch vụ cao hơn GATS. Tự do hóa dịch vụ là một khó khăn trong đàm phán thương mại đa phương của WTO, và vì vậy tiến trình đàm phán tự do hóa đang phải tiếp tục, bất chấp những khó khăn ngày càng gia tăng đối với các ngành nhạy cảm.

- Mặc dù có nhiều hạn chế hơn nhưng cũng đã có tiến triển nhất định trong các lĩnh vực như tiêu chuẩn và chất lượng, các hiệp định công nhận lẫn nhau, các thỏa thuận về di chuyển của nhà cung ứng dịch vụ chuyên nghiệp như kỹ sư và kế toán. Có nhiều sáng kiến và hiệp định hợp tác khu vực hơn, như về an ninh lương thực, chính sách cạnh tranh, quyền sở hữu trí tuệ, nông nghiệp...

Những kết quả nêu trên rất đáng ghi nhận, nhưng con đường hướng tới hội nhập kinh tế khu vực toàn diện trong AEC vẫn còn khá dài. Bức tranh ASEAN sau 2015 dự kiến sẽ có thách thức đối với các quan chức ASEAN và các bên liên quan khác.

Nỗ lực hội nhập ASEAN với Đông Á và thế giới

ASEAN đi đầu trong các sáng kiến hội nhập ở Đông Á, nhưng với sự tham gia tích cực của các đối tác đối thoại, đặc biệt là Trung Quốc và Nhật Bản. Cuộc khủng hoảng tài chính Đông Á (1997-1999) là động lực chính của việc hợp tác và hội nhập kinh tế Đông Á sâu và rộng hơn, được đánh dấu bằng Hội nghị Cấp cao ASEAN+3 lần đầu tiên vào tháng 12/1997 tại Kuala Lumpur, Malaysia, một vài tháng sau khi nổ ra cuộc khủng hoảng. Đó là Hội nghị ASEAN+3 (với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) và sau đó là Hội nghị Cấp cao Đông Á (thêm Ấn Độ, Australia và New Zealand) vì các hội nghị liên quan của Cấp cao ASEAN đã tạo nền tảng thể chế cho các sáng kiến hợp tác và hội nhập Đông Á. Đề xuất của Trung Quốc về FTA ASEAN-Trung Quốc năm 2001, tạo chất xúc tác cho một loạt các FTA ASEAN+1 khác, bắt đầu với Trung Quốc (ACFTA) năm 2004, Hàn Quốc (AKFTA) năm 2006, Nhật Bản (AJCEP) năm 2008, Australia và New Zealand (AANZFTA) năm 2009 và Ấn Độ (AIFTA) năm 2009. Ngoại trừ hiệp định AANZFTA được đàm phán và ký kết theo phương thức trọn gói, các hiệp định còn lại đều bắt đầu với hiệp định thương mại hàng hóa sau đó là hiệp định thương mại dịch vụ và đầu tư (hiện vẫn đang đàm phán nội dung này với Nhật Bản).

Các FTA lấy ASEAN làm trung tâm có sự khác biệt đáng kể về mức độ tham vọng xóa bỏ thuế quan và mức độ tự do hóa dịch vụ và đầu tư. Vì vậy, các FTA này được xem là bước đi then chốt ban đầu để hướng đến một cộng đồng Đông Á hội nhập. Các Nhà Lãnh đạo Cấp cao Đông Á đã thành lập Nhóm Tầm nhìn Đông Á vào đầu những năm 2000 và Nhóm Nghiên cứu Đông Á theo đề xuất của Hàn Quốc để xây dựng lộ trình về cộng đồng Đông Á. Các đề xuất về FTA Đông Á (EAFTA) do Trung Quốc đưa ra, và về Đối tác Kinh tế toàn diện Đông Á (CEPEA) do Nhật Bản đưa ra, đã tạo động lực tiến tới con đường hội nhập kinh tế Đông Á. Do hai tầm nhìn

và đề xuất này có sự mâu thuẫn nên cuối cùng ASEAN đã lựa chọn Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) bao gồm cả EAFTA và CEPEA và khẳng định “vai trò trung tâm của ASEAN” trong cấu trúc khu vực mới nổi ở Đông Á.

Hiện nay, RCEP vẫn đang trong quá trình đàm phán và sẽ là điểm chính trong việc làm sâu sắc quan hệ kinh tế của ASEAN với phần còn lại của Đông Á. RCEP hiện cũng là cơ chế chính cho các sáng kiến nhằm làm sâu sắc hội nhập và hợp tác kinh tế ở Đông Á. Thách thức chính đối với ASEAN là làm thế nào để giám sát RCEP đi đến thành công với việc xem xét các mức độ phát triển khác nhau và các mối quan tâm khác nhau của 16 nước tham gia đàm phán (!)

Làm sâu sắc hội nhập thị trường

Bên cạnh các sáng kiến hội nhập khu vực chính thức và mặc dù có mở rộng thêm các sáng kiến này, hội nhập thị trường tiếp tục được nâng cao dần trong ASEAN và Đông Á. Quan trọng hơn, bản chất của việc làm sâu sắc thị trường đã tác động đáng kể đến nội dung và tốc độ của các sáng kiến hội nhập khu vực chính thức. Đặc biệt, sự gia tăng ngày càng phức tạp các mạng lưới sản xuất và phân phối ở Đông Á và tầm quan trọng của việc quản lý các chuỗi cung ứng. Mặc dù, các nỗ lực hội nhập khu vực không thể chỉ tập trung vào các vấn đề tự do hóa trong đàm phán thương mại WTO mà thay vào đó là các vấn đề thuận lợi hóa, logistics và kết nối, tiêu chuẩn, chất lượng, quy định trong nước đang nổi lên, cần phải được giải quyết ở cấp độ hội nhập khu vực.

Cũng cần lưu ý rằng, sự suy giảm về cường độ thương mại trong ASEAN đã xảy ra trong giai đoạn tự do hóa mạnh mẽ như một phần của tiến trình xây dựng AEC vào năm 2015. Sự suy giảm này có thể là kết quả của việc làm dịu đi giá hàng hóa quốc tế trong những năm gần đây khi chiếm tỷ lệ đáng kể trong thương mại nội khối ASEAN là nông nghiệp, các sản phẩm dựa vào tài nguyên thiên nhiên như gạo, dầu cọ, đường, dầu thô và khí đốt. Tuy nhiên, Trung Quốc đã trở thành thị trường nhập khẩu cạnh tranh đối với nguyên liệu đầu vào sản xuất của ASEAN. Điều này dường như mang lại hai tác động quan trọng cho ASEAN và AEC, cụ thể:

- ASEAN chưa hội nhập đủ tốt để có thể cạnh tranh với Trung Quốc về hiệu quả kinh tế theo quy mô, chiều sâu của các cụm công nghiệp vệ tinh cùng như trong các hoạt động quản lý đúng thời gian. Như vậy, ASEAN cần phải hành động tích cực hơn để trở thành cơ sở sản xuất thống nhất trong các lĩnh vực như kết nối, thuận lợi hóa thương mại và giao thông, các biện pháp phi thuế quan,...

- ASEAN chưa đủ khả năng cạnh tranh về chuỗi giá trị. ASEAN chưa cập nhật công nghệ nhanh như Trung Quốc. Như vậy, thách thức với ASEAN chưa đủ cho khu vực và cơ sở sản xuất hội nhập hơn mà còn đối với khu vực cạnh tranh và năng động hơn. Điều này đồng nghĩa với việc ASEAN cần phải nhanh chóng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường đầu tư vào nghiên cứu và phát triển. Các khía cạnh này, đặc biệt là chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển cũng như năng lực nghiên cứu và đổi mới, Trung Quốc đã “bỏ xa” so với hầu hết các nước thành viên ASEAN.

Những thách thức...

Không thể phủ nhận những kết quả mà ASEAN đạt được trong hai thập kỷ qua và trong thời gian hiện nay. Tuy nhiên, rõ ràng là mục tiêu xóa bỏ nghèo đói và gia tăng tầng lớp trung lưu của dân số ASEAN cần phải trải qua một chặng đường dài nữa. Với những khoảng cách lớn về thu nhập của người dân, một số nước ASEAN đang đối mặt với thách thức bảo đảm sự ổn định trước những biến đổi về khí hậu, cung ứng thực phẩm và năng lượng. Điều này cũng phản ánh động lực hướng tới AEC là chưa hoàn thiện, và càng chưa hoàn thiện cho một Đông Á hội nhập. Trong sự phát triển năng động ở khu vực Đông Á và trên thế giới, đặc biệt ở Trung Quốc và Ấn Độ, ASEAN phải duy trì và tiến lên phía trước.

Một số thách thức chính đối với ASEAN sau 2015, bao gồm:

- **Vẫn tồn tại số lượng lớn người nghèo và cận nghèo ở hầu hết các nước thành viên ASEAN.** Theo Báo cáo của ERIA đưa ra, thời điểm cuối những năm 2000 có khoảng 2/4 dân số ASEAN vẫn sống ở mức nghèo hoặc cận nghèo. Đây là thách thức then chốt mà ASEAN đang đối mặt hiện nay và sau năm 2015. Một thách thức về hợp tác khu vực và chính sách liên quan cho các nước thành viên ASEAN và ASEAN là người nghèo và cận nghèo có xu hướng trở nên dễ bị tổn thương do ảnh hưởng của giá thực phẩm, thảm họa thiên tai hoặc thiếu hụt nguồn cung. Thực phẩm là thành phần chi tiêu lớn nhất của người nghèo và cận nghèo, mức giá tăng cao sẽ làm giảm đáng kể phúc lợi của người nghèo. Hầu hết người nghèo có xu hướng ở những vùng nông thôn và nhiều người sống ở vùng lũ lụt, xói mòn đất đai, vì vậy, họ dễ bị tổn thương đối với thảm họa thiên tai kể cả tác động tiêu cực của lũ lụt và hạn hán. Vì vậy, cùng với động lực về tăng trưởng kinh tế cao hơn, các nước thành viên ASEAN cần phải quan tâm hơn đến hợp tác khu vực để cải thiện vấn đề an ninh lương thực và an ninh năng lượng cũng như sẵn sàng giải quyết các thảm họa thiên tai trong khu vực.

- **Sự bất bình đẳng về thu nhập.** Điều này cũng liên quan đến vấn đề đói nghèo nêu trên, các nước thành viên ASEAN khá phức tạp về bất bình đẳng thu nhập trong ba thập kỷ qua. Tuy nhiên tình hình được đánh giá là tốt hơn so với Trung Quốc và các nước Mỹ Latinh.

Bất bình đẳng thu nhập đang trở nên xấu hơn ở Indonesia và Lào, mặc dù hai nước này đều có sự phân phối thu nhập tương đối đồng đều so với các nước thành viên khác. Malaysia có phân phối thu nhập không đồng đều nhất trong những năm 1980 và đầu những năm 1990; bất bình đẳng thu nhập đã giảm đáng kể trong cuối những năm 1990 và đầu những năm 2000 nhưng đã tăng mạnh trở lại vào cuối những năm 2000. Philippines là nước phân phối thu nhập bất bình đẳng đứng thứ hai sau Malaysia hiện nay. Bất bình đẳng thu nhập ở nước này đáng lo ngại trong những năm 1990 và sau đó đã cải thiện trong những năm 2000. Sự phân phối thu nhập càng bất bình đẳng đi kèm với tăng trưởng kinh tế khiêm tốn đã làm cho tình hình giảm nghèo của Philippines rất mờ nhạt. Thái Lan là nước thành công hơn trong việc phân phối thu nhập tốt hơn từ tăng trưởng kinh tế trong hai thập kỷ trước. Từ một nước đứng thứ hai về phân phối thu nhập không đồng đều (sau Malaysia trong cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990), tình trạng bất bình đẳng thu nhập ở nước này đã giảm nhanh

với hệ số Gini đã giảm dưới ngưỡng 40%, mặc dù vẫn cao hơn các nước ASEAN khác (ngoài Malaysia và Philippines).

- **Cần thiết phải cải thiện khả năng cạnh tranh trong ASEAN.** Trong thời gian qua, tính cạnh tranh dài hạn của các nước thành viên ASEAN (AMS) đã được xác định chủ yếu bởi tốc độ tăng trưởng các nhân tố sản xuất liên quan đến các nước khác. Đánh giá mức tăng năng suất lao động và tổng hợp các nhân tố sản xuất trong giai đoạn 1996-2011 cho AMS cũng như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Nhật Bản, Hoa Kỳ và khu vực Mỹ Latinh với việc sử dụng chung phương pháp và có thể so sánh cho thấy tăng trưởng năng suất lao động chịu ảnh hưởng của tăng trưởng vốn, hiệu quả sử dụng vốn, tri thức khoa học, đổi mới công nghệ. Tăng trưởng nhân tố sản xuất chịu ảnh hưởng của hiệu quả sử dụng vốn và lao động cũng như tri thức khoa học, đổi mới công nghệ.

Sự tăng trưởng khiêm tốn về nhân tố sản xuất ở AMS trái ngược với tốc độ tăng ở Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc và Đài Loan (Trung Quốc) là những nền kinh tế cạnh tranh trực tiếp với AMS. Vì vậy, khả năng cạnh tranh dài hạn của ASEAN được xác định tương quan với các nước láng giềng, đặc biệt là Trung Quốc. Rõ ràng là AMS cần phải cải thiện tình trạng tăng trưởng nhân tố sản xuất so với các nước láng giềng nếu ASEAN muốn cải thiện khả năng cạnh tranh của mình, tiến đến chuỗi giá trị, và ít dựa vào chi phí lao động thấp để thành công về xuất khẩu.

- **Việc xây dựng AEC đầy đủ vẫn chưa hoàn chỉnh.** Mặc dù đạt được kết quả đáng ghi nhận trong thực thi các biện pháp xây dựng AEC nhưng nhiều biện pháp vẫn chưa được hoàn thành để AEC vận hành đầy đủ. Một số điểm chính cần phải được giải quyết trong và sau 2015 bao gồm: (i) Vẫn còn tỷ lệ lớn các “NTM cốt lõi” đặc biệt là hạn chế định lượng ở một số AMS, thuế quan CEPT giảm rất nhanh và gần như về 0 ở các nước ASEAN-6 thì các biện pháp phi thuế quan (NTM) đã trở nên phổ biến như các rào cản đối với thương mại giữa AMS. (ii) Cơ chế hải quan một cửa quốc gia chưa được vận hành đầy đủ ở hầu hết các nước, và có ba nước chưa bắt đầu diễn ra cơ chế này. Vì vậy cơ chế hải quan một cửa ASEAN chưa hoạt động thống nhất. Hơn nữa, hoạt động của hải quan một cửa ASEAN vào năm 2015 còn bị hạn chế về phạm vi tạo thuận lợi cho thương mại trong ASEAN và giữa AMS với phần còn lại của thế giới. Liên quan đến vấn đề này, cần có sự vận hành đầy đủ của cả các trung tâm thương mại quốc gia và khu vực, cần nâng cao sự minh bạch trong các chính sách liên quan đến thương mại, các quy tắc và quy định trong khu vực về lợi ích của doanh nghiệp và người thực hiện giao dịch kinh doanh trong khu vực. (iii) Mặc dù có tiến triển về tiêu chuẩn, chất lượng cũng như về MRAs đối với dịch vụ nghề nghiệp, nhưng cần phải quan tâm hơn đến sự đồng bộ về tiêu chuẩn và quy chuẩn, sự tin tưởng trong đánh giá sự phù hợp và chứng nhận, linh hoạt hơn đối với lao động kỹ năng trong khu vực. (iv) AMS khá phức tạp về tự do hóa dịch vụ và đầu tư, dẫn đến những thách thức kinh tế chính trị khác nhau mà mỗi nước AMS phải đối mặt. Việc đàm phán AFAS và sau Gói cam kết thứ 8 trong AFAS sẽ ngày càng khó khăn khi nỗ lực mở rộng và làm sâu sắc tự do hóa dịch vụ hầu như liên quan đến các ngành dịch vụ nhạy cảm ở mỗi nước. AMS phải xác định mức độ tự do hóa dịch vụ phù hợp với

các ngành dịch vụ có thể cạnh tranh cao trong khu vực cần có khả năng cạnh tranh cao hơn với các nền kinh tế lớn khác.

ASEAN có nhiều sáng kiến hơn để hội nhập kinh tế sâu hơn và trở thành một cộng đồng, trong đó nhiều sáng kiến vẫn chưa hoàn thành và/ hoặc vẫn đang tiếp tục triển khai.

Nhìn tổng thể, các ví dụ nêu trên cho thấy AEC còn nhiều thách thức phía trước để hoàn thành sau năm 2015. ASEAN và các quan chức AMS nhận thức rõ điều đó, mà AEC 2015 là dấu mốc quan trọng và là giai đoạn đầu tiên, ASEAN còn phải tiếp tục phấn đấu trở thành một cộng đồng kinh tế thực sự hội nhập. Nhiều ý kiến của chuyên gia kinh tế cho rằng, những vấn đề quan trọng nhất liên quan đến AEC không phải là AEC 2015 mà là tham vọng và động lực. Các Nhà lãnh đạo ASEAN vẫn hòa hợp về tham vọng và tầm nhìn nhằm củng cố AEC. Thách thức cho ASEAN là duy trì và củng cố động lực sau 2015 hướng tới một khu vực hội nhập, cạnh tranh cao, năng động, toàn diện, bền vững, tham gia sâu vào phần còn lại của Đông Á và thế giới.

Hướng tới tầm nhìn ASEAN sau 2015

Tuyên bố Chủ tịch Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 18 ở Jakarta, Indonesia, hồi tháng 5/2011, nhấn mạnh tầm nhìn về “ASEAN sau 2015 là cạnh tranh, tương đối bình đẳng, toàn diện, tăng trưởng xanh, đoàn kết và phát triển bền vững”. Tuyên bố của Chủ tịch Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 19 tại Bali, Indonesia, tháng 11/2011, đặt trọng tâm “phát triển đồng đều là một nhân tố then chốt của tầm nhìn ASEAN sau 2015”. Tuyên bố Chủ tịch Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 22 tại Bandar Seri Begawan, Brunei, tháng 4/2013, bổ sung tầm quan trọng của “hiện thực hóa ASEAN thực sự hướng về con người là nhân tố trung tâm của tầm nhìn ASEAN sau 2015”. Đây cũng chính là chủ đề của năm ASEAN 2013 là “Người dân của chúng ta, tương lai của chúng ta” nhằm nhấn mạnh vai trò của người dân ASEAN trong xây dựng cộng đồng.

Kết quả mong đợi: ASEAN chất lượng cao!

Tầm nhìn dài hạn của các Nhà lãnh đạo về một ASEAN năng động, đoàn kết, lấy con người làm trung tâm, tăng trưởng toàn diện, hội nhập sâu và quan trọng với nền kinh tế toàn cầu được xác định rõ nét với những kết quả mong đợi. Báo cáo ERIA đưa ra những kết quả dự kiến trong thập kỷ tới và nửa đầu 2030, với ba lĩnh vực chính được tóm tắt như sau:

Thứ nhất, “Thần kỳ ASEAN” trở thành hiện thực với tăng trưởng cao, toàn diện và bền vững, xóa bỏ tình trạng nghèo và tầng lớp trung lưu chiếm ưu thế trong khu vực vào năm 2030. Trong đó, về giảm nghèo, tỷ lệ người sống dưới mức 2 USD PPP theo giá năm 2005 thu nhập bình quân đầu người một ngày giảm từ 40% năm 2010 xuống 12% năm 2030. Tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân ở các nước AMS thu nhập thấp và trung bình thấp ở mức giữa 5,2 và 7,3% mỗi năm cho đến năm 2030. Ngoài thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các AMS, tăng trưởng toàn diện sẽ là tăng trưởng cân bằng hơn trong AMS...

Thứ hai, AEC có khả năng cạnh tranh, năng động và thu hút đầu tư cao trở thành hiện thực, với sự gia tăng đáng kể tổng thương mại, GDP và đặc biệt là FDI của tất cả các nước đang phát triển và của thế giới vào năm 2030. Cải thiện nhanh tiêu chuẩn quốc tế của AMS về hoạt động kinh doanh, tình hình năng lực logistics và chỉ số cạnh tranh toàn cầu vào đầu những năm 2020 và chỉ số đổi mới toàn cầu vào cuối những năm 2020. Để gia tăng tỷ lệ FDI, thương mại và GDP đối với các nền kinh tế đang phát triển đòi hỏi ASEAN phải trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn hơn với môi trường kinh doanh thuận lợi hơn. Chỉ số chính sách SME của ASEAN phải được cải thiện ở tất cả các nước vào đầu năm những năm 2020. Tỷ lệ thương mại nội khối ASEAN trong tổng thương mại ASEAN từ mức 25% hiện nay lên khoảng 30% vào năm 2030. Dù RCEP thành công và thúc đẩy mạng lưới sản xuất Đông Á có thể đạt 30% tỷ lệ mục tiêu nhưng cũng khó đạt được vì hiệu ứng trệch hướng thương mại của AEC liên quan đến phần còn lại của Đông Á sẽ bị xóa bỏ bởi RCEP...

Thứ ba, ASEAN có khả năng phục hồi đáng kể sẽ trở thành hiện thực. Quan điểm và tuyên bố của các Nhà lãnh đạo và các Bộ trưởng trong các sáng kiến khu vực thời gian gian qua là tập trung vào an ninh lương thực, an ninh năng lượng hoặc khả năng phục hồi khỏi các thảm họa thiên tai. Hiện nay, ASEAN chưa có bộ chỉ số có thể giúp đo lường mức độ cải thiện về khả năng phục hồi của khu vực liên quan đến các cú sốc về lương thực và năng lượng cũng như thảm họa thiên tai. Vì vậy, Báo cáo nghiên cứu đề xuất thông qua và ứng dụng Chỉ số Bát gạo ASEAN (Rice Bowl Index) nhằm đo lường độ bền vững của hệ thống thực phẩm và an ninh lương thực ở mỗi nước; xây dựng và giám sát bộ chỉ số về an ninh năng lượng và sự phục hồi của ASEAN và Đông Á; xây dựng và giám sát bộ chỉ số bao gồm chỉ số khả năng chống đỡ thiên tai và biểu đánh giá cho ASEAN.

Khuôn khổ hướng tới tăng trưởng cao, bền vững và cân bằng trong ASEAN

Báo cáo của ERIA đề xuất một khuôn khổ của 4 trụ cột chính và một nền tảng vững chắc để đạt được tăng trưởng cao, bền vững và cân bằng trong ASEAN, cho phép khu vực tiếp tục tiến lên hội nhập kinh tế ở cấp độ toàn cầu.

Bốn trụ cột đó là: *ASEAN hội nhập và có khả năng cạnh tranh cao; ASEAN có sức cạnh tranh và năng động; ASEAN tăng trưởng toàn diện, có khả năng phục hồi và tăng trưởng xanh; ASEAN toàn cầu với RCEP và tiếng nói của ASEAN.* Một nền tảng vững chắc hỗ trợ bốn trụ cột trên là: ASEAN có khả năng phản ứng nhanh.

Bốn trụ cột không tồn tại độc lập với nhau mà trên thực tế, chúng liên hệ với nhau ở mức độ cao. Vì vậy, thách thức chính cho AMS và ASEAN là tìm ra sự cân bằng và “vòng xoáy” giữa các trụ cột, các biện pháp cần phải thực hiện bốn trụ cột là không dễ dàng.

Một khu vực hội nhập và có khả năng cạnh tranh cao (trụ cột 1) với các cụm công nghiệp tăng trưởng, phát triển cao và ngày càng đổi mới (trụ cột 2) kết nối với sự trỗi dậy của Đông Á từ thành công của RCEP (trụ cột 4) và vận hành hiệu quả hơn do môi trường đầu tư cải thiện và chế độ quản lý có khả năng phản ứng nhanh có thể được kỳ vọng thu hút đầu tư lớn hơn và nâng cao khả năng cạnh tranh cả thị trường

trong nước và thị trường nước ngoài. Điều này sẽ dẫn đến gia tăng thương mại quốc tế, và cuối cùng, tăng trưởng kinh tế cao hơn và xóa bỏ nghèo đói. Việc thúc đẩy tăng trưởng năng suất nông nghiệp, tăng trưởng SME, mở rộng kết nối kỹ thuật giữa các trung tâm tăng trưởng và vùng ngoại biên, động lực về hiệu quả năng lượng và phát triển xanh, khả năng ứng phó với thảm họa thiên tai (tất cả đều thuộc trụ cột 3) cũng góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh, thu hút đầu tư, và sự năng động của ASEAN (trụ cột 2). Sức cạnh tranh và sự năng động đó được lượng hóa trong tỷ lệ gia tăng của ASEAN trong tổng FDI, thương mại và GDP. Vì vậy, việc thực thi bốn trụ cột và một nền tảng dự kiến có thể đạt được các kết quả mong đợi.

Trụ cột 1: ASEAN hội nhập và có khả năng cạnh tranh cao

“AEC: người thay đổi trò chơi tiềm năng cho các nền kinh tế ASEAN” hay “Bắt kịp làn sóng ASEAN” là hai nhan đề bài viết của các chuyên gia về triển vọng AEC. Trong đó, thể hiện sự tin tưởng và lạc quan về AEC với lý do rất đơn giản: ASEAN là nền kinh tế lớn thứ ba ở Châu Á, sau Trung Quốc và Nhật Bản; ASEAN có dân số lớn thứ 3 thế giới sau Trung Quốc và Ấn Độ; ASEAN có tầng lớp trung lưu lớn hơn Ấn Độ; và ASEAN là một trong những khu vực tăng trưởng ngoạn mục nhất trên thế giới. Trong ngắn hạn, ASEAN là thị trường lớn và tăng trưởng mạnh, mang lại nhiều tiềm năng to lớn cho doanh nghiệp.

Thách thức là làm cho ASEAN trở thành nền kinh tế hội nhập hơn, thống nhất hơn so với việc tập hợp 10 nền kinh tế. Một ASEAN hội nhập là điều quan trọng đối với các doanh nghiệp trong khu vực. Khảo sát Triển vọng kinh doanh ASEAN năm 2014 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Hoa Kỳ chỉ ra rằng khoảng $\frac{3}{4}$ người khảo sát từ các doanh nghiệp Hoa Kỳ đang hoạt động ở ASEAN xem hội nhập ASEAN có ý nghĩa quan trọng với họ.

Một thị trường chung ASEAN?

Thiết lập một ASEAN hội nhập là trọng tâm của Kế hoạch Tổng thể xây dựng AEC 2009-2015 (AEC Blueprint), trong đó trụ cột 1 là hướng tới một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất, phản ánh tham vọng của ASEAN về sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động kỹ năng và sự lưu chuyển tự do hơn của dòng vốn.

Thị trường chung là gì? Hiện có hai cách đánh giá thị trường chung là gì và nó bao gồm những gì, hoặc là theo tiến trình của hội nhập kinh tế hoặc theo kết quả của hội nhập kinh tế. Dưới góc độ tiến trình của hội nhập kinh tế, trọng tâm là mức độ lưu chuyển của hàng hóa, dịch vụ cũng như các nhân tố sản xuất; một thị trường chung có nghĩa là hàng hóa, dịch vụ và nhân tố sản xuất có thể di chuyển giữa các nước một cách dễ dàng như trong các nước. Dưới góc độ kết quả của hội nhập kinh tế, trọng tâm là mức độ đồng nhất của giá hàng hóa, dịch vụ và nhân tố sản xuất qua các biên giới; một thị trường chung có nghĩa là giá hàng hóa, dịch vụ và nhân tố sản xuất bình đẳng giữa các nước và điều chỉnh theo chi phí vận tải. Rõ ràng là khái niệm về thị trường chung theo cách thứ nhất là gần với thực tế. Cách hiểu theo khía cạnh giá thống nhất từ hội nhập kinh tế là không thể đạt được khi có khoảng cách rất lớn về trình độ phát triển giữa các thành viên ASEAN.

Thị trường chung theo cách tiếp cận là tiến trình của hội nhập kinh tế, ASEAN xác định rõ các yếu tố cốt lõi cần thiết là sự lưu chuyển của hàng hóa, dịch vụ và nhân tố sản xuất (vốn và lao động) giữa các nước thành viên dễ dàng như trong nước đó. Trên thực tế, không có rào cản (đặc biệt về chính sách hoặc quy định) về sự lưu chuyển của hàng hóa, dịch vụ và nhân tố sản xuất. Theo đó, sự chênh lệch về giá cả, tiền lương và tỷ lệ lợi tức sẽ được thu hẹp nếu đặt giả thiết không thay đổi về công nghệ và ưu đãi chung cho các nước thành viên. Nói rộng hơn, các chiến lược trong Trụ cột 1 của AEC phù hợp với tiêu chí quan trọng của một thị trường chung. Tuy nhiên, AEC không thực sự được hiểu là thị trường chung như trường hợp của EU và Thị trường chung CARICOM, do đó các biện pháp trong AEC Blueprint là các biện pháp “hướng tới một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất”.

Thị trường chung EU hoặc thị trường nội khối là chặt chẽ nhất với yếu tố căn bản của một thị trường chung. Ví dụ, để bảo đảm sự lưu chuyển của hàng hóa, các nước thành viên bị cấm không chỉ đánh thuế hải quan mà còn đặt ra phí nhập khẩu có tác động tương đương với thuế hải quan, thuế phân biệt đối xử, và các hạn chế định lượng cũng như các quy tắc phân biệt đối xử trực tiếp hoặc gián tiếp có tác động tương tự như hạn chế định lượng. Các nước thành viên chỉ có thể hạn chế sự lưu chuyển của hàng hóa trong những trường hợp ngoại trừ như rủi ro liên quan đến sức khỏe cộng đồng, môi trường hoặc bảo vệ người tiêu dùng. Tương tự như vậy, sự lưu chuyển tự do của dịch vụ và tự do thiết lập doanh nghiệp ở một nước thành viên có thể thực hiện bất kỳ hoạt động nào ở bất kỳ nước thành viên nào và không bị phân biệt đối xử theo quốc tịch hay cách thức kinh doanh. Ngoài ra, sự tự do di chuyển của lao động có nghĩa là người lao động có thể di chuyển tới bất kỳ nước thành viên khác và được sử dụng với cùng điều kiện và quốc tịch của nước thành viên đó.

Thị trường chung và nền kinh tế CARICOM (CSME) là sản phẩm hội nhập khu vực của các nước vùng Caribe cũng hướng tới một thị trường chung và nền kinh tế chung, với các yếu tố như quyền thiết lập doanh nghiệp ở bất kỳ nước CARICOM nào mà không bị hạn chế, sự lưu chuyển tự do của lao động với tất cả trở ngại về lưu chuyển lao động kỹ năng trong khu vực, trở ngại đối với lao động và khách du lịch đều được xóa bỏ, các dịch vụ xã hội như y tế, giáo dục... được hài hòa hóa, các lợi ích an sinh xã hội được chuyển hóa, các tiêu chuẩn chung về đánh giá... Về lưu chuyển tự do của hàng hóa và dịch vụ, tất cả các rào cản được xóa bỏ và tiêu chuẩn được hài hòa nhằm bảo đảm sự chấp nhận của hàng hóa, dịch vụ được giao dịch. Có những yếu tố khác trong CSME như hài hòa về doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ và luật, phối hợp về thuế gián tiếp, thâm hụt ngân sách, hài hòa chính sách đầu tư nước ngoài,... Một số yếu tố trung tâm đã được thực thi hoặc thực thi một phần.

Như vậy, CARICOM và EU là mô hình căn bản hơn của thị trường chung so với ASEAN. AEC Blueprint đặt ra tham vọng ít hơn CARICOM hay EU về sự lưu chuyển của lao động cũng như quyền thiết lập. Vì vậy, việc thực thi các biện pháp AEC là dấu mốc đầu tiên (hoặc giai đoạn đầu tiên) trên con đường đạt được mục tiêu cuối cùng của ASEAN về một thị trường chung (và cơ sở sản xuất thống nhất).

ASEAN hội nhập và có khả năng cạnh tranh cao

Đây được coi là giai đoạn thứ hai của hội nhập ASEAN. Trường hợp của EU và CARICOM cho thấy có một số thay đổi chính sách và thể chế cần phải thực hiện để tiến gần đến thị trường chung, bao gồm: quyền cư trú và làm việc ở bất kỳ nơi nào trong ASEAN đối với lao động kỹ năng, quyền cung ứng dịch vụ tạm thời hoặc thường xuyên ở bất kỳ nơi nào trong ASEAN đối với các công ty hoặc tự nhiên nhân, thiết lập thể chế khu vực để giám sát việc hài hòa tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp (như CARICOM), hài hòa pháp lý về yêu cầu thiết yếu mà các nước thành viên phải chấp nhận sản phẩm đã chứng nhận đáp ứng yêu cầu thiết yếu (EU), hài hòa chính sách xã hội hoặc chuyển giao lợi ích an sinh xã hội, xóa bỏ các hạn chế ràng buộc pháp lý đối với bất kỳ thuế, phí nào hoặc yêu cầu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với nhà nhập khẩu đến từ nước thành viên khác.

Vì ASEAN khác biệt đáng kể so với EU và CARICOM, nên càng khó khăn hơn để hoàn thành sớm thị trường chung. Mức độ phát triển khác nhau giữa các nước thành viên ASEAN lớn hơn so với các thành viên EU cũng là động lực cho hội nhập chính trị. AMS cũng lớn hơn nhiều so với các quốc đảo nhỏ ở vùng Caribe nơi hội nhập vào thị trường chung và nền kinh tế chung là điều bắt buộc.

Nhiều yếu tố hướng tới một “ASEAN hội nhập và có khả năng cạnh tranh cao” tương tự như trong AEC Blueprint, đó là: các biện pháp phi thuế được đơn giản hóa và không mang tính bảo hộ; chế độ tiêu chuẩn và đánh giá chất lượng tạo thuận lợi cho thương mại; khả năng cạnh tranh cao hơn (và tự do hóa) của ngành dịch vụ và đầu tư; thuận lợi hóa thương mại, đầu tư và giao thông vận tải hiệu quả hơn; chính sách cạnh tranh; kết nối cơ sở hạ tầng tốt hơn; và lưu chuyển của lao động kỹ năng tự do hơn.

Tuy nhiên, các hành động sau năm 2015 sẽ làm sâu sắc hơn các sáng kiến đã nêu trong AEC Blueprint, và cũng khó khả thi hơn để thực hiện đầy đủ vào năm 2015. Một ASEAN hội nhập như một cơ sở sản xuất thống nhất cần kết nối cơ sở hạ tầng tốt hơn về đường bộ, cầu, cảng biển, sân bay, tiện ích viễn thông...

Trụ cột 2: ASEAN cạnh tranh và năng động

Chiến lược căn bản cho ASEAN trở thành một khu vực có khả năng cạnh tranh toàn cầu phụ thuộc vào sự mở rộng mạng lưới các cụm công nghiệp địa phương và kết nối khu vực, bằng cách đưa ASEAN trở thành mắt xích chính của mạng lưới sản xuất hàng hóa và dịch vụ Đông Á và toàn cầu. Trước mắt phải có các công ty đặt tại ASEAN, cả các công ty địa phương và đa quốc gia, đang ngày càng dựa vào sự đổi mới và sáng tạo để trở nên cạnh tranh quốc tế. Việc bảo đảm ASEAN năng động và cạnh tranh liên quan đến thúc đẩy mạng lưới sản xuất, nhưng thông qua các liên kết toàn cầu cũng như liên kết trong nước nhờ phát triển cụm công nghiệp và SME.

Ở hầu hết các nước thành viên ASEAN, ngoại trừ Singapore, việc đổi mới vẫn còn nhiều yếu tố phải làm. Singapore được coi là mô hình thành công nhất với mục tiêu thuận lợi hóa đầu tư cho các công ty đa quốc gia đổi mới, các quy tắc nhập cảnh tương đối tự do cho các chuyên gia và người lao động có kỹ năng cao, cùng với củng cố năng lực nghiên cứu và phát triển trong nước đối với nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng. Singapore là mô hình thiết thực cho các nước còn lại của khu vực.

Sự dịch chuyển năng động về lợi thế cạnh tranh trong khu vực phát sinh từ những thay đổi quan trọng trong tiền công tương đối (về phương diện hiệu quả hoặc năng suất lao động điều chỉnh) cho phép gia tăng một loạt sản phẩm và mở rộng lĩnh vực xuất khẩu ASEAN. Việc tạo thuận lợi cho những dịch chuyển năng động trong lợi thế so sánh trong khu vực là sự lưu chuyển dễ dàng về hàng hóa, dịch vụ, con người và vốn thể hiện một ASEAN hội nhập và có khả năng cạnh tranh cao. Điều này cũng sẽ cho phép thực hiện nhanh các chiến lược phát triển trong khu vực, đẩy nhanh sự dịch chuyển trong lợi thế so sánh trong khu vực. Cuối cùng, kết nối kỹ thuật và kết nối thể chế hướng tới một ASEAN thống nhất là cấu phần quan trọng của Cộng đồng Kinh tế ASEAN năng động và cạnh tranh.

Trụ cột 3: ASEAN tăng trưởng toàn diện, có khả năng phục hồi và tăng trưởng xanh

Một đặc trưng chính của ASEAN liên quan đến các khu vực khác là khoảng cách rất lớn về mức độ phát triển giữa thành viên so với EU hoặc Khu vực Hội nhập Mỹ Latinh (LAIA). Ở một số AMS, bất bình đẳng thu nhập khá lớn nếu không nghiêm trọng như ở một vài nước Mỹ Latinh. Vì vậy, ASEAN cần phải quan tâm đặc biệt đến sự toàn diện trong chương trình hội nhập khu vực.

Khoảng cách lớn về trình độ phát triển có thể được sử dụng như một cơ hội tăng trưởng khi đối phó với sự chênh lệch lớn về tiền công giữa các nước. Đặc biệt là khoảng cách về tiền công cho phép mở rộng và làm sâu sắc các mạng lưới sản xuất khu vực trong ASEAN, là nhân tố trung tâm của công nghiệp hóa và chuyển đổi kinh tế của một số nước Đông Á, nhất là Trung Quốc. Tuy nhiên, cơ hội cho ASEAN tận dụng sự đa dạng về trình độ phát triển của các nước thành viên là hội nhập kinh tế sâu hơn cho phép tăng cường sự đồng bộ giữa AMS và các nước Đông Á. Có ba khía cạnh toàn diện cho ASEAN là: địa lý, công nghiệp và xã hội. Khoảng cách phát triển địa lý quan trọng hơn liên quan đến giữa các AMS giàu hơn và AMS nghèo hơn cũng như các khu vực giàu hơn và khu vực nghèo hơn ở hầu hết các nước AMS. Sự toàn diện về công nghiệp liên quan đến công ty đa quốc gia và công ty trong nước, doanh nghiệp lớn và SME, chế biến và nông nghiệp,... Trong khi đó, khoảng cách xã hội chủ yếu giữa các hộ gia đình giàu và nghèo cũng như đối xử khác biệt theo tuổi tác, giới tính, dân tộc và các yếu tố khác. Tuy nhiên, sự toàn diện địa lý và sự toàn diện công nghiệp cũng sẽ góp phần vào sự toàn diện xã hội vì người nghèo có xu hướng sống ở vùng nông thôn và những nơi nghèo nàn về kết nối kỹ thuật và thể chế với các trung tâm tăng trưởng ở các nước và khu vực. Hơn nữa, một trong những cách thức tốt nhất để giảm nghèo và bất bình đẳng thu nhập là gia tăng việc làm, trả lương tốt hơn, chủ yếu trong ngành phi nông nghiệp, và hầu hết lao động trong ngành phi nông nghiệp là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa (SME).

Sự toàn diện địa lý và công nghiệp sẽ liên quan lớn đến việc giải quyết các vấn đề cơ cấu, các vấn đề chính sách và thất bại thị trường dẫn đến phân đoạn thị trường theo địa lý, ngành nghề và kỹ thuật. Ví dụ, một ASEAN hội nhập và có khả năng cạnh tranh cao sẽ khuyến khích mở rộng mạng lưới sản xuất khu vực đối với các lĩnh vực ít phát triển vì trở nên dễ dàng hơn khi đầu tư và lưu chuyển hàng hóa, nói cách khác,

nhân mạnh lợi ích tiềm năng của chi phí lao động thấp hơn và tài nguyên thiên nhiên đối với các nhà đầu tư. Điều này khuyến khích các mạng lưới sản xuất khu vực liên quan đến sản xuất ở những khu vực nghèo hơn làm gia tăng sự toàn diện về địa lý. Tương tự như vậy, bằng cách cải thiện sự tiếp cận của SME đối với tài chính, công nghệ và thông tin thị trường, SME sẽ tăng trưởng, trở nên kết nối hơn với các mạng lưới sản xuất, dẫn tới tăng năng suất. Kết quả là sự toàn diện về công nghiệp lớn hơn, lao động cao hơn, và năng lực sản xuất trong nước lớn hơn nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và nước ngoài.

Việc theo đuổi toàn diện về công nghiệp trong ASEAN sẽ chủ yếu thông qua thúc đẩy tăng trưởng của SME trong khu vực, do hai kênh quan trọng: (i) mở rộng sự tham gia của SME trong tăng trưởng và tăng gia số lượng các cụm công nghiệp và mạng lưới sản xuất khu vực, (ii) thúc đẩy tăng trưởng của thị trường trong nước và khu vực chủ yếu do SME. Sự thúc đẩy tăng trưởng của SME tự nó là phương tiện quan trọng cho tăng trưởng của tầng lớp trung lưu trong khu vực, theo đó, tăng nhu cầu trong nước và khu vực tác động đến tăng trưởng của SME khu vực.

Với những thành viên đến sau trong ASEAN cũng như Indonesia và Philippines vẫn có số lượng lớn dân cư hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, việc theo đuổi tăng trưởng toàn diện công nghiệp không chỉ thúc đẩy tăng trưởng của SME mà còn thúc đẩy tăng trưởng và năng suất của nông nghiệp. Hầu hết AMS có lợi thế so sánh trong ngành nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên, thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp giảm nghèo và tăng tầng lớp trung lưu, theo đó góp phần tăng trưởng cầu trong nước và cầu khu vực, vì vậy dẫn đến tăng trưởng của SME cũng như nông nghiệp và thu nhập của người nông dân. Tăng trưởng của SME và năng suất nông nghiệp đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng trưởng kinh tế cao cần phải đạt được ít nhất ở mức thu nhập trung bình cao và thu hẹp khoảng cách phát triển trong khu vực.

Sự tăng trưởng của SME không chỉ hỗ trợ tăng trưởng toàn diện về công nghiệp mà còn tăng trưởng toàn diện về xã hội. Đó là vì việc làm và dòng thu nhập lao động gia tăng, chủ yếu từ ngành phi nông nghiệp, là một trong những phương tiện chính để giảm nghèo. Nhiều việc làm tạo ra từ ngành phi nông nghiệp đến từ tăng trưởng của SME. Tương tự như vậy, phát triển nông nghiệp cũng làm sản sinh tăng trưởng toàn diện địa lý cũng như toàn diện xã hội khi giảm nghèo ở các vùng nông thôn và giữa các hộ gia đình nông thôn có xu hướng cao hơn bình quân quốc gia và hộ gia đình thành thị ở nhiều nước AMS.

Bàn về ASEAN có khả năng phục hồi và tăng trưởng xanh: yếu tố thứ nhất của nâng cao khả năng phục hồi là an ninh năng lượng, an ninh lương thực và an ninh tài nguyên. Với sự gia tăng dân số, phát triển ngành công nghiệp, đô thị hóa, tăng mức sống, nhu cầu về năng lượng, thực phẩm và tài nguyên sẽ gia tăng để nguồn cung ổn định và phong phú được bảo đảm. Ngoài ra, các thị trường năng lượng, thực phẩm và tài nguyên không ổn định đã diễn ra và có những biến động trong trung hạn và dài hạn. Những cú sốc này một phần do các chính sách chưa đủ hài hòa của các nước xuất khẩu và nhập khẩu, tình hình không khả quan, và nghiên cứu, phát triển chưa đủ để nâng cao năng suất, phát triển các nguồn lực thay thế.

An ninh lương thực là khía cạnh đặc biệt quan trọng với ASEAN. Trên thực tế, ASEAN đã xây dựng một cơ chế then chốt về dự trữ thực phẩm khẩn cấp, gọi là Dự trữ gạo khẩn cấp ASEAN+3 (APTERR). ASEAN cũng đã xây dựng Khuôn khổ an ninh lương thực hội nhập ASEAN và Kế hoạch hành động chiến lược về an ninh lương thực. ASEAN cũng có hệ thống thông tin an ninh lương thực ASEAN. Tuy nhiên, điều quan trọng là ASEAN thực hiện cách tiếp cận hội nhập đối với an ninh lương thực, giải quyết các nhân tố ở mức độ người nông dân, nhân tố cầu và giá, chính sách và thương mại, cũng như nhân tố môi trường. Tất cả những nhân tố này cấu thành Chỉ số Bát gạo (Rice Bowl Index).

Về an ninh năng lượng, các biện pháp chính sách khẩn cấp và đậm nét được yêu cầu ở cấp quốc gia và hợp tác khu vực. Về mặt cung, ASEAN sẽ đa dạng hóa nguồn năng lượng và xuất xứ hàng nhập khẩu, khuyến khích đầu tư vào khai thác, sản xuất trong nước và cơ sở hạ tầng cho cả năng lượng hóa thạch và năng lượng thay thế như sinh chất. Về mặt cầu, hiệu quả sử dụng năng lượng sẽ được cải thiện đáng kể. Hiệu quả thị trường năng lượng trong nước và khu vực được xóa bỏ sự can thiệp không phù hợp của chính phủ là điều quan trọng để cải thiện an ninh năng lượng. Có một biên độ dao động lớn cho cơ chế thực thi đối phó với tình huống khẩn cấp cũng như duy trì an ninh trên biển. Các diễn đàn hợp tác năng lượng hiện có trong khuôn khổ ASEAN, ASEAN+3, và EAS sẽ được tăng cường nhằm tiếp tục đối thoại và hợp tác.

Việc quản lý thảm họa hiệu quả cũng quan trọng đối với một ASEAN có khả năng phục hồi. ASEAN và Đông Á là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của nhiều loại thảm họa như lũ lụt, động đất, sóng thần, hạn hán, bão lũ, các hoạt động núi lửa, và các thảm họa thiên tai khác. Không chỉ nhân tố tự nhiên mà còn các nhân tố con người cũng tác động và gây hậu quả nghiêm trọng. Việc tổ chức tốt quản lý thảm họa là điều cần thiết để xác định rủi ro, chuẩn bị tình huống khẩn cấp, xây dựng năng lực thể chế, giảm thiểu rủi ro... Những nỗ lực bao gồm xây dựng chế độ hợp tác khu vực cho hành động nhanh và hiệu quả, khai thác cơ chế bảo hiểm khu vực chống lại thảm họa, và thiết lập nghiên cứu toàn diện giữa các nước về quản lý thảm họa.

Yếu tố cuối cùng của ASEAN có khả năng phục hồi là mạng lưới an toàn và bảo vệ xã hội. Kết quả của tăng trưởng kinh tế sẽ đạt được tất cả các khía cạnh của xã hội. Vì tăng trưởng kinh tế thúc đẩy thu nhập và tiến trình đô thị hóa, dịch chuyển từ hình thái bảo vệ xã hội truyền thống sang hình thái bảo vệ xã hội hiện đại là điều không thể tránh khỏi. Bảo vệ xã hội chính thức trở thành thiết yếu ngay cả khi ổn định chính trị đi cùng với phát triển kinh tế; ngay cả phát triển kinh tế không bền vững.

Các vấn đề cảnh báo toàn cầu và các vấn đề môi trường khác đã trở thành quan ngại lớn đối với người dân trên thế giới, bao gồm cả công dân ASEAN. Nhưng vì các nước đang phát triển, kể cả ASEAN, có một mong muốn tự nhiên là phát triển hơn nữa, có thể phải có sự đánh đổi với bảo vệ môi trường, nhất là điều khoản về cắt giảm khí CO₂. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế, công nghiệp hóa và đô thị hóa phải được ưu tiên tối thiểu trong thập kỷ tới trong ASEAN. Một kịch bản toàn diện, phù hợp của việc làm thế nào tăng trưởng kinh tế có thể hài hòa với môi trường chưa được thực

hiện tốt. Đây là lý do vì sao các nước đang phát triển, kể cả ASEAN, có lập trường tương đối bị động trong thúc đẩy phát triển xanh. Tuy nhiên, sau năm 2015, ASEAN sẽ phải trở thành nhân tố tích cực hơn trong thúc đẩy phát triển xanh bằng cách thiết lập một chiến lược vững mạnh làm hài hòa phát triển xanh với tăng trưởng kinh tế, công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Trong thập kỷ tới, chương trình cắt giảm CO₂ dường như không thể tránh khỏi với tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. Có nhiều thứ vẫn được thực hiện vì một môi trường tốt hơn mà không phải hy sinh tăng trưởng kinh tế. Một số biện pháp sẽ làm tăng khả năng cạnh tranh bằng cách nâng cao hiệu quả và khả năng chống đỡ với chi phí nguồn lực. Vì thế giới ngày càng nhấn mạnh sự bền vững về môi trường, suy nghĩ về tăng trưởng xanh và bền vững có thể là một cơ hội kinh tế cho ASEAN. Có nhiều sáng kiến mà ASEAN có thể thúc đẩy các ngành công nghiệp tăng trưởng xanh như năng lượng tái tạo và công nghiệp tái chế, công nghiệp xanh với tiến trình công nghệ tốt hơn, thúc đẩy sản phẩm hiệu quả năng lượng, và thiết lập hội nhập thị trường năng lượng trong khu vực.

Trụ cột 4: ASEAN toàn cầu

Trụ cột 4 của AEC Blueprint “Hướng tới hội nhập toàn diện vào nền kinh tế toàn cầu” là sự phản ánh đánh giá sâu của ASEAN phải được hội nhập tốt với phần còn lại của thế giới, hướng tới một khu vực kinh tế hội nhập đầy đủ và cạnh tranh. Đó là vì hầu hết các nước thành viên ASEAN giao dịch thương mại với phần còn lại của thế giới hơn là với các nước còn lại trong ASEAN. Kết quả sử dụng mô hình cân bằng tổng thể đã cho thấy lợi ích đối với AMS từ hội nhập kinh tế trong khu vực Đông Á lớn hơn lợi ích từ hội nhập kinh tế chỉ riêng trong ASEAN.

Tất nhiên, ASEAN là nhân tố thuận lợi và là trung tâm của hội nhập kinh tế Đông Á được thể hiện qua các FTA ASEAN+1 mà ASEAN đã ký kết với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia và New Zealand. ASEAN là nhân tố thuận lợi và là điểm tựa cho các sáng kiến hội nhập kinh tế trong khu vực, được ghi nhận kể từ khi EU và NAFTA là hai khu vực cường quốc kinh tế đi đầu trong tiến trình hội nhập khu vực.

RCEP là sáng kiến quan trọng nhất của ASEAN nhằm đẩy nhanh hội nhập khu vực ở Đông Á cũng như biểu hiện chính của ASEAN toàn cầu. RCEP cũng góp phần bổ sung quan trọng cho nỗ lực của ASEAN trong thiết lập AEC. Đặc biệt cùng với Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), việc kết thúc thành công đàm phán RCEP đã làm phát sinh hiệu quả các sáng kiến hội nhập khu vực ở Đông Á với mức độ cao hơn trong khi xem xét tính toàn diện của RCEP về khía cạnh khoảng cách phát triển giữa các AMS là một thách thức lớn cho ASEAN.

Do ASEAN có những bước tiến về kinh tế, nên ASEAN có thể cần phải bước nhanh vào cộng đồng các quốc gia toàn cầu, đẩy nhanh mối quan hệ hợp tác với các đối tác quan tâm, các nước không phải đối tác đối thoại và các tổ chức quốc tế. Điều này có thể thúc đẩy hơn nữa sự hiểu biết lẫn nhau về các vấn đề sẽ ảnh hưởng đến hòa bình, ổn định, an ninh và thịnh vượng của khu vực. Bằng cách duy trì các quan hệ mở và bình đẳng với nhiều đối tác khác nhau, ASEAN có thể huy động các nguồn lực và

củng cố vị thế là trung tâm tăng trưởng hàng đầu của thế giới. ASEAN cũng có thể cung cấp thông tin đầu vào cho các diễn đàn quốc tế dựa vào kinh nghiệm và bài học tích lũy trong tiến trình xây dựng AEC. Dựa vào cách tiếp cận hướng vào nội dung này, đặc biệt trong thúc đẩy mở rộng FTA khu vực và EPAs, ASEAN có thể là khu vực trung tâm cho các cơ chế hợp tác rộng hơn và có thể thiết lập quan hệ cân bằng với các khu vực khác trên thế giới.

Thách thức đối với là ASEAN phải có một quan điểm chung và khéo léo về các vấn đề chung trong khu vực, khi ASEAN bao gồm 10 nước có trình độ phát triển và lợi ích khác nhau. ASEAN đang từng bước nâng cao tiếng nói quốc tế của mình cũng như quản lý tốt các thách thức về hội nhập sâu hơn sau 2015 để có thể kêu gọi người dân ASEAN ủng hộ và nhận thức về cộng đồng của họ trong khu vực.

Nền tảng: ASEAN có khả năng phản ứng nhanh

Ngoài bốn trụ cột nêu trên, khuôn khổ sau ASEAN chỉ ra rằng bốn trụ cột đó cần phải đặt trong nền tảng vững chắc về “một ASEAN có khả năng phản ứng nhanh” với hai yếu tố là lợi ích thiết thực cho ASEAN trên con đường hướng tới những năm tiếp theo, sau 2015.

Nhân tố thứ nhất có thể hiểu mỗi nước thành viên ASEAN và ASEAN phải tự mình có khả năng phản ứng nhanh với các vấn đề quan ngại của các doanh nghiệp, do khu vực tư nhân là động lực then chốt của tăng trưởng cân bằng, cao và bền vững trong ASEAN. Khu vực tư nhân không phải là phân đoạn vững chắc có nhiều lợi ích khác nhau. Tuy nhiên, có những lĩnh vực chung liên quan đến vấn đề tham nhũng, quan liêu, cần phải có sự phối hợp liên ngành và sự phù hợp về chính sách, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực. Theo nhiều cách khác nhau, phản ứng nhanh với các quan ngại chung gắn bó chặt chẽ với việc cải thiện khả năng quản trị kinh tế và thiết lập môi trường đầu tư, kinh doanh tích cực trong khu vực.

Nhân tố thứ hai, mặc dù liên quan đến nhân tố thứ nhất, đó là chế độ quy định và quản lý có khả năng phản ứng nhanh. Những thay đổi về chính sách và quy định là cần thiết cho hội nhập kinh tế khu vực, và cho hầu hết các nước thành viên ASEAN. AEC là một tiến trình cải thiện quy định và thể chế cho AMS. Chế độ quy định và quản lý có khả năng phản ứng nhanh bao gồm sự lắng nghe và hợp tác tích cực của chính phủ với các bên liên quan khác.

AEC- Mô hình hội nhập khu vực và phát triển trong ASEAN

AEC không chỉ là sáng kiến hội nhập khu vực tốt nhất mà còn là động lực quan trọng của mô hình hội nhập và phát triển Đông Á trong đó ASEAN giữ vai trò trung tâm. Mô hình hội nhập và phát triển này được dựa vào sự hình thành, phát triển và làm sâu hơn các mạng lưới sản xuất khu vực ở Đông Á với sự lưu chuyển của đầu tư trực tiếp, công nghệ và thương mại, được tạo thuận lợi bởi các chính sách kinh tế cởi mở hơn của khu vực.

Hướng tới ASEAN và AEC sau 2015: Những nét nổi bật và khuyến nghị chính để thành công sau 2015

Sau khi phân tích và đánh giá chi tiết bốn trụ cột và nền tảng hướng tới “ASEAN thần kỳ” để đạt được tăng trưởng bền vững trong hai thập kỷ tới hoặc những năm tiếp theo, Báo cáo của ERIA đã tập trung những nét nổi bật và những khuyến nghị chính để nhấn mạnh đến sự thành công của AEC Blueprint sau 2015.

Đối với trụ cột 1, để hỗ trợ hình thành ASEAN hội nhập và có khả năng cạnh tranh cao, ASEAN cần xem xét các khuyến nghị sau:

Thứ nhất: Biện pháp phi thuế quan và các rào cản phi thuế

Với mục tiêu cao về xóa bỏ thuế quan, yếu tố đang nổi lên trong vấn đề chính sách là các biện pháp phi thuế quan (NTM) vì chúng có thể được sử dụng để bảo hộ thương mại và vì thế trở thành các rào cản phi thuế quan (NTB). NTM kém minh bạch hơn và phức tạp hơn, bao gồm một loạt các quy định có thể có tác động đến kim ngạch hoặc giá quốc tế thương mại hàng hóa. Tác động của NTM có thể vô tình hoặc cố ý. Hầu hết các NTM đều có mục tiêu ban đầu là bảo vệ sức khỏe, thực phẩm hoặc môi trường chứ không phải mục tiêu bảo hộ thương mại. Vì vậy, thách thức đặt ra là bảo đảm rằng những NTM đó không tác động trái chiều một cách không cần thiết đến thương mại quốc tế và/ hoặc trở thành NTBs. Do đó, điều này tạo nền tảng của việc ưu tiên rà soát và đơn giản hóa các NTMs.

Để giải quyết NTM sau 2015, cần quan tâm các nội dung sau:

- Cơ chế tham vấn được thể chế hóa: Vì hội nhập kinh tế và các liên kết thương mại sau trong ASEAN, có thể phát sinh nhiều trường hợp cần phải giải quyết. ASEAN có thể cần phải thiết lập một cơ quan để thực hiện tham vấn ASEAN về các vấn đề thương mại và đầu tư cần giải quyết.

- Cơ chế giám sát hiệu quả và minh bạch đối với các NTM: ASEAN có thể thúc đẩy thực thi toàn cầu việc phân loại NTM đa phương mới đối với các NTM trong khu vực, từ đó hình thành nên Trung tâm thông tin thương mại ASEAN ở mỗi nước AMS.

- Giải quyết các rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT) và SPSs: ASEAN có thể giải quyết thông qua chương trình tiêu chuẩn và chất lượng, và thông qua Ủy ban Tham vấn ASEAN về Tiêu chuẩn và Chất lượng (ACCSQ);

- Đơn giản các NTM để cải cách hành chính trong nước: Ở cấp độ quốc gia, NTM có thể được xem xét không phải dưới khía cạnh đàm phán thương mại mà từ quan điểm quản lý tốt hơn. Vì vậy, việc đơn giản các NTM thực sự đang tối thiểu hóa chi phí của khu vực tư nhân trong khi lợi ích từ NTM có thể đạt được. Việc rà soát NTM liên quan đến cân đối giữa lợi ích từ NTM đối với chi phí của doanh nghiệp. Nếu thiếu sự hỗ trợ phân tích phù hợp ở các AMS để thực hiện điều này, ASEAN cần xây dựng năng lực và đào tạo kỹ thuật để phát triển năng lực rà soát và đơn giản hóa.

Thứ hai: Thuận lợi hóa thương mại và logistics

Thuận lợi hóa thương mại hiệu quả và logistics chắc chắn cần thiết để tạo cơ sở sản xuất thống nhất trong ASEAN, cũng rất quan trọng cho các mạng lưới sản xuất cạnh tranh và khu vực. Kết quả khảo sát của ERIA năm 2011 ghi nhận rằng vấn đề nổi

cộng hàng đầu của khu vực tư nhân trong khu vực và thuận lợi hóa thương mại và logistics. Hai cấu phần then chốt của chương trình thuận lợi hóa thương mại ASEAN là thiết lập Trung tâm thông tin về thuận lợi hóa thương mại ASEAN, và Cơ chế hải quan một cửa ASEAN. Cả hai cấu phần này đều thực hiện theo các sáng kiến cấp quốc gia. Việc thực thi đầy đủ của hai sáng kiến chính này có thể được mô tả theo các khía cạnh như minh bạch, sự tương tác của các quy định và thủ tục liên quan đến thương mại, hải quan điện tử, giấy phép điện tử, và cơ chế hải quan một cửa.

Ngoài ra, để hướng tới chế độ thuận lợi hóa thương mại đơn giản trong ASEAN, có thể có các biện pháp sau:

- Tiêu chuẩn hóa các thủ tục: cần phải tăng cường và tiêu chuẩn hóa các cơ chế hải quan một cửa quốc gia hiện đang ở các giai đoạn khác nhau và sớm hoàn tất để đi vào hoạt động.

- Thanh toán trực tuyến: các cơ chế thanh toán trực tuyến thông qua thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ không chỉ được sử dụng cho hải quan và thanh toán thuế mà còn dùng để cấp giấy phép ở các cơ quan chính phủ kiểm soát kỹ thuật.

- Số hóa các tài liệu hỗ trợ: đầu tư vào các công cụ thuận lợi hóa ít được quan tâm nếu các cơ quan kiểm soát tiếp tục duy trì hình thức tài liệu truyền thống thay vì sử dụng số hóa. Vai trò của ICT trong tự động hóa toàn bộ tiến trình là rất quan trọng.

- Thông qua pháp luật về thương mại điện tử: sẽ cho phép đầu tư vào ICT ở các nước thành viên ASEAN đạt được kết quả tốt. Quy định pháp lý phải bao gồm chữ ký số, văn bản số hóa và cách thức rõ ràng để trao đổi văn bản điện tử.

- Sử dụng quản lý rủi ro kiểm soát biên giới để bảo đảm sự phù hợp: cho phép kiểm soát chi tiết các loại hàng hóa và doanh nhân huy động hàng hóa trong khu vực. Điều này cũng cho phép tất cả các rủi ro đối với vận chuyển đều được phân tích kỹ lưỡng.

Theo nhiều cách khác nhau, những khuyến nghị nêu trên phản ánh sự vận hành đầy đủ của Cơ chế hải quan một cửa quốc gia ở tất cả các nước thành viên ASEAN (ít nhất là ở các cảng biển và sân bay chính) cũng như mở rộng phạm vi của cơ chế hải quan một cửa ASEAN sau khi thực hiện dự án thử nghiệm. Tuy nhiên, việc vận hành cơ chế hải quan một cửa ASEAN kêu gọi việc mở rộng phạm vi dự án hiện có đối với nhiều bên liên quan và sẽ có nhiều văn bản cũng như khuôn khổ pháp lý về hải quan một cửa đối với tất cả các nước thành viên ASEAN.

- Khuyến khích sử dụng các chương trình trước thông quan và trước chứng nhận: nhằm giảm sự tắc nghẽn trong các cảng cạn và cảng nước, cho phép đẩy nhanh việc di chuyển hàng hóa. Trong khi đó, thông tin cần phải được nộp cho các cơ quan quản lý địa phương trước để đánh giá rủi ro tốt hơn. Ngoài ra, việc thực thi cơ chế đánh giá trước có thể giúp tối thiểu hóa các tranh chấp như phân loại thuế quan. Điều quan trọng là đơn giản hóa tiến trình cấp chứng nhận xuất xứ, bao gồm thực thi tự chứng nhận xuất xứ.

- Sự tham gia của khu vực tư nhân: tham vấn thường xuyên hoặc diễn đàn về hợp tác công – tư sẽ được thực hiện ở cả cấp quốc gia và khu vực thông qua thiết lập các ban chỉ đạo hoặc ủy ban kỹ thuật về cơ chế hải quan một cửa.

- Sự sẵn sàng của cơ sở hạ tầng kỹ thuật: phản ánh sự sẵn sàng của cơ sở hạ tầng đường bộ, hàng không và cảng biển để hoàn thành việc lưu chuyển hàng hóa. Vì vậy, ví dụ như vận chuyển qua biên giới giữa các nước thành viên ASEAN, hàng người tham gia giao thông kéo dài phát sinh từ tình trạng cơ sở hạ tầng không phù hợp trên thực tế là một trong những trở ngại chính đối với khu vực tư nhân. Cơ sở hạ tầng được cải thiện để thực thi hiệu quả hải quan một cửa quốc gia và hải quan một cửa ASEAN và thông quan hải quan đặc biệt ở biên giới các nước.

Thứ ba: Tiêu chuẩn và chất lượng

Tiêu chuẩn và chất lượng là lĩnh vực quan trọng thứ hai cần được thực hiện về AEC. Đó là vì các doanh nghiệp gánh chi phí đáp ứng các quy định hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật và/ hoặc thực hiện chứng nhận sự phù hợp để xuất khẩu sang một nước khác. ASEAN nhận thức rất rõ về tầm quan trọng của các vấn đề xoay quanh tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, và đánh giá sự phù hợp cho AEC. Phần lớn NTMs đều là các rào cản kỹ thuật đối với thương mại và SPS.

Tiến trình hài hòa hóa các tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế, các hành vi và chỉ dẫn, hài hòa các yêu cầu và quy định kỹ thuật, cũng như hài hòa các thủ tục đánh giá sự phù hợp là tiến trình phức tạp, lâu dài và liên tục. Vì vậy, ASEAN cần thực hiện tốt vấn đề tiêu chuẩn và chất lượng này sau năm 2015.

Các khuyến nghị đưa ra sau 2015 liên quan đến tiêu chuẩn, chất lượng, bao gồm:

- Tất cả các nguồn lực đều đạt được kết quả: khẳng định tầm quan trọng sống còn của tiêu chuẩn và chất lượng cho AEC và tính phức tạp của vấn đề này, cần có nhiều nguồn lực hơn để đạt được kết quả. Nhóm đặc trách cấp cao về tiêu chuẩn và chất lượng, cùng với Nhóm đặc trách cấp cao về hội nhập kinh tế, được đề xuất xây dựng tầm nhìn và chiến lược, phát triển chính sách cho tiêu chuẩn và chất lượng thuận lợi hướng đến ASEAN hội nhập và có khả năng cạnh tranh cao.

- Mở rộng vấn đề tiêu chuẩn và chất lượng, đưa vào các ngành ưu tiên hội nhập: quyết định của ASEAN tập trung bước đầu vào các ngành ưu tiên hội nhập để cho phép sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực hạn chế của ASEAN. Nhưng vẫn còn nhiều nội dung cần phải thực hiện để giải quyết đầy đủ các vướng mắc về tiêu chuẩn, chất lượng ở các ngành ưu tiên. Tuy nhiên, thành công trong các ngành ưu tiên có thể được xem là cơ sở để mở rộng các sáng kiến về tiêu chuẩn, chất lượng ngoài các ngành ưu tiên hội nhập. Trong đó, một câu hỏi then chốt là cách tiếp cận tương tự cho phép trong các ngành ưu tiên hoặc tốt hơn để thực hiện “các biện pháp nền” như tạo khuôn khổ quy định an toàn sản phẩm ASEAN.

- Xác định và giải quyết các rào cản ưu tiên: thực hiện rà soát các rào cản và các lợi ích kinh tế tiềm năng về giải quyết các rào cản này sẽ rất hữu ích nhằm xác

định những rào cản cần được ưu tiên. Phương pháp chung để thực hiện rà soát có thể được áp dụng và được xem là cơ chế hợp tác với khu vực tư nhân.

- Tối đa hóa lợi ích của việc hợp tác với khu vực tư nhân: việc mở rộng sự hợp tác của khu vực tư nhân trong tiến trình AEC khá phức tạp. Về tiêu chuẩn và chất lượng, khu vực tư nhân không chỉ tham gia tích cực trong một nhóm công tác sản phẩm mà còn trong một số lĩnh vực khác. SME cũng chưa thể hiện đầy đủ vai trò của mình. Vì vậy, điều quan trọng là nhấn mạnh sự hợp tác với khu vực tư nhân về khía cạnh trao đổi thông tin, và xây dựng cơ chế phản hồi và hỗ trợ cho tiến trình đó.

- Xác định và tuyên truyền về lợi ích từ AEC: cùng với việc xác định lợi ích tổng thể từ AEC, cần xác định lợi ích cụ thể từ các sáng kiến tiêu chuẩn và chất lượng dẫn tới hài hòa quy định và tiêu chuẩn trong ASEAN. Đầu tư vào tổng hợp cơ sở dữ liệu, phân tích và phổ biến các kết quả nghiên cứu để thuyết phục các nhà sản xuất và các nhà cung ứng về lợi ích của việc gia nhập các sáng kiến về tiêu chuẩn và chất lượng.

- Tăng cường hợp tác về xây dựng năng lực: các nền kinh tế phát triển hơn cần phải hỗ trợ các nền kinh tế kém phát triển hơn trong tiến trình hội nhập, nhằm thu hẹp khoảng cách giữa các nước.

Thứ tư: Thị trường dịch vụ có khả năng cạnh tranh cao

Các kết quả phân tích chỉ ra rằng việc giảm rào cản đối với dịch vụ, đầu tư và thương mại trong ASEAN mang lại những lợi ích tiềm năng quan trọng đối với các nước AMS. Hơn nữa, các dịch vụ hiện đại là chất kết dính của mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị; ví dụ logistics và giao thông vận tải, viễn thông, tài chính.

Khẳng định tầm quan trọng của ngành dịch vụ hiệu quả nhằm có ngành dịch vụ để có lĩnh vực hàng hóa nói riêng và nền kinh tế nói chung cạnh tranh, cũng như chuỗi giá trị và chuỗi công nghiệp nâng cấp, các hàm ý chính sách bao gồm: thúc đẩy sự cạnh tranh của ngành dịch vụ (kể cả các biện pháp chống độc quyền), cần tiếp cận bình đẳng về dịch vụ, sự tham gia minh bạch và tích cực hơn của các bên liên quan, quy định thông minh để giải quyết các thất bại của thị trường trong ngành này.

Vì vậy, để hướng tới AEC 2015 và những năm tiếp theo, ngành dịch vụ ASEAN cần xem xét đến một số khuyến nghị sau:

- Mở rộng và làm sâu sắc hơn phạm vi tự do hóa dịch vụ ngoài gói cam kết AFAS 8 (như AFAS 10);

- Áp dụng thận trọng hơn đối với 15% linh hoạt (và giảm tỷ lệ linh hoạt sau năm 2015);

- Tối thiểu hóa các hạn chế khác về tiếp cận thị trường (MA) và đối xử quốc gia (NT);

- Ưu tiên để cạnh tranh cao hơn trong các ngành dịch vụ quan trọng và có tính kết nối.

Riêng đối với dịch vụ tài chính, các thị trường tài chính hội nhập hơn làm nâng cao hiệu quả và đổi mới trong các điều khoản về dịch vụ tài chính trong nước, tạo sự phân bổ đầu tư tốt hơn và thu hút đầu tư trong khu vực. Tuy nhiên, có những rủi ro quan trọng đối với hội nhập tài chính, liên quan đến một loạt chế độ và quy định thận trọng ở các AMS cũng như sự không tương xứng về cơ sở hạ tầng ổn định tài chính của khu vực.

Hội nhập ngành ngân hàng chính là tự do hóa ngành ngân hàng, cũng bao gồm cả về hợp tác và phối hợp, phản ánh tầm quan trọng của khía cạnh thận trọng trong ngân hàng cũng như khoảng cách lớn trong cơ sở hạ tầng ổn định tài chính giữa các nước thành viên ASEAN, đặc biệt với các nước BCLMV (Brunei, Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam).

Rút kinh nghiệm từ EU, ASEAN có cách tiếp cận cẩn thận hơn đối với hội nhập ngân hàng, trong đó tập trung nhiều hơn vào hài hòa các nguyên tắc quy định thận trọng, xây dựng cơ sở hạ tầng ổn định tài chính, xây dựng năng lực cho các nước BCLMV, và tiếp cận thị trường cho các Ngân hàng đạt tiêu chuẩn ASEAN mà trước hết là các chi nhánh và văn phòng của các ngân hàng này. Vì vậy, khuyến nghị cho dịch vụ tài chính ASEAN sau 2015 bao gồm:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng ổn định tài chính bao gồm rủi ro hệ thống và những hiệu ứng lan truyền sau hội nhập: cụ thể gồm giám sát và đánh giá sự thận trọng vĩ mô ở cấp khu vực (thông qua Văn phòng Giám sát kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO), nghị định thư quản lý rủi ro khu vực, hệ thống giải quyết và thanh toán khu vực, mạng an toàn tài chính khu vực (hiện trong khuôn khổ Thỏa thuận đa phương hóa sáng kiến Chiềng Mai- CMIM), hệ thống pháp lý về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, trao đổi tự động thông tin thuế quan giữa các nước thành viên ASEAN.

- Hài hòa các quy định thận trọng giữa các nước thành viên ASEAN: mặc dù có nhiều rào cản tiềm ẩn, các quy định thận trọng là điều kiện thiết yếu để có một ngành tài chính cởi mở và phát triển.

- Quan tâm xây dựng năng lực: điều này đặc biệt quan trọng đối với các nước CLMV là nơi có nhiều khoảng cách về quy định trong dịch vụ tài chính.

- Tăng cường phối hợp kinh tế vĩ mô trong ASEAN và ASEAN+3 (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc).

- Tăng cường nghiên cứu về các khía cạnh khác nhau của Khuôn khổ Hội nhập ngân hàng ASEAN (ABIF) và hội nhập tài chính khu vực: cùng với rủi ro và lợi ích của liên kết tài chính trong khu vực, điều quan trọng là phải đánh giá lợi ích, cơ hội, chi phí và rủi ro của việc thực thi ABIF.

Thứ năm: Tự do hóa đầu tư

Trong báo cáo của ERIA nêu rõ tỷ lệ đầu tư cao là yếu tố quan trọng để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao. ASEAN vẫn phụ thuộc lớn vào dòng đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm tăng cường sức cạnh tranh và cải thiện việc nâng cấp công nghệ trong thị trường toàn cầu ngày càng cạnh tranh. Điều này có nghĩa là khu vực này cần phải giữ vững, và cải thiện môi trường đầu tư của mình. Một chế độ chính

sách đầu tư tự do hóa hơn có thể được kỳ vọng cải thiện môi trường đầu tư trong khu vực.

Con đường hướng tới tự do hóa đầu tư tương đối đơn giản và minh bạch, nhằm tiếp tục tiến trình tự do hóa trong khuôn khổ ACIA. Giả sử các nước ASEAN có ý chí chính trị mạnh mẽ, phương thức tự lựa chọn với xóa bỏ hoặc cải thiện các hạn chế đầu tư, cùng với các nguyên tắc cụ thể của Cơ chế rà soát giữa kỳ của Ủy ban Điều phối về đầu tư ASEAN (CCI) là một cách thức đổi mới và năng động để xóa bỏ các hạn chế/ trở ngại đầu tư hoặc giảm thiểu phạm vi và mức độ của hạn chế/ trở ngại đầu tư.

Thứ sáu: Chính sách cạnh tranh

Đây là một nội dung quan trọng, bổ sung cho các sáng kiến tự do hóa và thuận lợi hóa. Chính sách cạnh tranh trở nên phù hợp hơn trong một ASEAN ngày càng hội nhập không chỉ về khía cạnh thực tiễn ở thị trường trong nước mà còn giữa các quốc gia. Mục tiêu căn bản của chính sách cạnh tranh là bảo đảm sân chơi bình đẳng cho tất cả doanh nghiệp, cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

Các hành động về chính sách cạnh tranh được khuyến nghị sau 2015, bao gồm:

- Thực thi luật cạnh tranh: các nước thành viên ASEAN không có Luật cạnh tranh vào năm 2015 cần phải được khuyến khích và có sự hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng và thực thi luật, chính sách cạnh tranh.

- Xây dựng năng lực: được xem xét theo cách tiếp cận chính thức hơn và thể chế hóa hơn.

- Rà soát giữa kỳ chính sách cạnh tranh: để cải thiện khả năng thực thi của các cơ quan quản lý cạnh tranh trong ASEAN, việc rà soát giữa kỳ luật và chính sách cạnh tranh cần được thực hiện thường xuyên.

- Các thỏa thuận hợp tác về thực thi: với hội nhập kinh tế sâu sắc hơn, điều quan trọng là phải tăng cường hợp tác về thực thi kể cả trao đổi thông tin chung, các nguyên tắc giải quyết tình huống cụ thể và tham gia điều tra chung.

- Rà soát và thực thi tính trung lập của yếu tố cạnh tranh: Do ASEAN hội nhập kinh tế sâu hơn nên cần thực hiện các chương trình hoặc nghiên cứu hướng tới tách biệt yếu tố cạnh tranh với các yếu tố quản lý của chính phủ như bảo lãnh tài chính, viện trợ nhà nước hoặc trợ cấp cho doanh nghiệp (các doanh nghiệp sở hữu nhà nước hoặc chính phủ liên kết với tập đoàn), và mua sắm chính phủ.

- Chống bán phá giá và quy định về quản lý: Các trường hợp chống bán phá giá trong ASEAN và xung đột tiềm ẩn giữa chính sách cạnh tranh (tập trung vào phúc lợi của người tiêu dùng) và chính sách chống bán phá giá (tập trung vào doanh nghiệp) cần phải được rà soát. Đồng thời cần tiến hành nghiên cứu về tác động của các quy định như kiểm soát giá về cạnh tranh.

Thứ bảy: Sự di chuyển của lao động có kỹ năng

AEC Blueprint đưa “sự lưu chuyển tự do của lao động kỹ năng” là một phần của trụ cột về thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất. Tuy nhiên, các biện pháp

trong AEC Blueprint gợi ý nhiều hơn đến việc “dòng lao động kỹ năng có quản lý”. Đó là cách tốt nhất để xem xét sự di chuyển của lao động kỹ năng như là yếu tố cơ bản cho việc nâng cao khả năng cạnh tranh của ASEAN, và có lẽ quan trọng hơn là yếu tố chính để kết nối giữa con người với con người.

Sau năm 2015, ASEAN cần thực hiện các biện pháp liên quan đến sự di chuyển của lao động kỹ năng như sau:

- Khuyến khích hợp tác hiệu quả hơn giữa các trường và tạo thuận lợi cho việc trao đổi sinh viên và người lao động: sử dụng tiếng Anh có thể tạo thuận lợi cho việc trao đổi sinh viên và người lao động.

- Tự do hóa và tạo thuận lợi cho việc nhập cảnh và làm việc của lao động kỹ năng và chuyên gia ASEAN. Các biện pháp liên quan đến vấn đề này sẽ bao gồm tạo thuận lợi cho việc cấp thị thực, cấp giấy phép làm việc cho các chuyên gia và lao động kỹ năng, minh bạch về các hạn chế pháp lý và chính sách quản lý việc làm, tạo khuôn khổ công nhận kỹ năng ASEAN, cải thiện mạng lưới thông tin về cơ hội việc làm, và chuyển đổi lợi ích an sinh xã hội.

- Xây dựng các trung tâm kỹ năng ASEAN: với sự công nhận lẫn nhau về chất lượng nguồn lao động và sự lưu chuyển tự do hơn của chuyên gia và lao động kỹ năng, ASEAN nên hướng tới xây dựng các trung tâm về kỹ năng và các trung tâm về các ngành và phân ngành dịch vụ ở các nước khác nhau. Cùng với đó, cần thực thi các Thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRA) hiệu quả hơn.

- Cần phải thay đổi tư duy về sự di chuyển của lao động kỹ năng.

Thứ tám: ASEAN kết nối

Kết nối là yếu tố trung tâm đối với một ASEAN hội nhập và cạnh tranh để tạo cơ sở sản xuất thống nhất và thị trường ASEAN chung. Vì vậy, ASEAN đã triển khai Kế hoạch Tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC) với ba chiến lược gọng kìm để có sự phát triển về kết nối kỹ thuật, các cơ chế/ thể chế hiệu quả và tiến trình kết nối thể chế, nâng cao kết nối giữa con người với con người. Các biện pháp về thuận lợi hóa thương mại, đơn giản hóa các biện pháp phi thuế quan và thực hiện quy định về tiêu chuẩn và chất lượng thuận lợi hơn nhằm nâng cao kết nối thể chế trong ASEAN. ASEAN đang nâng cao kết nối kỹ thuật trong khu vực thông qua các hiệp định thuận lợi hóa giao thông vận tải ASEAN và thông qua nỗ lực cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông trong khu vực (ví dụ mạng lưới đường cao tốc ASEAN, Tuyến đường sắt Singapore-Côn Minh, Trung Quốc).

ASEAN có các hành động chiến lược rõ ràng để triển khai kết nối kỹ thuật ASEAN thông qua Kế hoạch Vận tải Chiến lược ASEAN (ASTP) và Kế hoạch Tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC). Thách thức vào năm 2015 và những năm tiếp theo về kết nối kỹ thuật là phải thực thi một trong hai kế hoạch này. Ví dụ, phải ký kết Nghị định thư số 2 để thực thi Hiệp định Khung ASEAN về tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh (AFAFGIT) và Hiệp định Khung ASEAN về tạo thuận lợi cho vận tải liên quốc gia (AFAFIST) là hai hiệp định thuận lợi hóa vận tải mặt đất chính, ít nhất là thực thi vào cuối năm 2015. Lộ trình hội nhập vận tải hàng không ASEAN (RIATS)

hiện đang được thực thi theo mô hình ASEAN-X, tuy nhiên, không có sự tham gia của Indonesia, kết nối hàng không trong ASEAN theo RIATS còn lâu mới hoàn thành. Vì vậy, thách thức đặt ra là làm thế nào cải thiện nền kinh tế chính trị ở Indonesia để cho phép nước này tham gia RIATS vào năm 2015. Trong khi, việc thực thi Tuyến đường sắt Singapore-Côn Minh dự kiến hoàn thành sau năm 2015.

Đối với trụ cột 2, để hướng tới một ASEAN cạnh tranh và năng động sau 2015, ASEAN cần quan tâm thực hiện một số khuyến nghị sau:

- Thực hiện chương trình hợp tác khu vực về nâng cấp công nghiệp và cụm công nghiệp, cùng với các nước Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, nhằm học hỏi kinh nghiệm của các nước trong các lĩnh vực như chương trình hỗ trợ của chính phủ về bảo đảm chất lượng, nhãn hiệu, phát triển kỹ năng; xây dựng cụm công nghiệp; xây dựng và thực thi (bao gồm ưu tiên hóa, kết nối, các vấn đề thể chế/ chính sách/ quy định, phát triển lực lượng lao động, cải thiện chuỗi cung ứng...), chuyển giao công nghệ...

- Khuyến khích các công ty trong nước đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, tăng tỷ lệ đầu tư vào nghiên cứu và phát triển quốc gia ở hầu hết các nước thành viên ASEAN: vấn đề chuyển giao công nghệ, đổi mới quy trình và sản xuất được thực hiện nhiều hơn ở các công ty đầu tư cho nghiên cứu và phát triển.

- Các chương trình tạo thuận lợi của chính phủ mà các tập đoàn đa quốc gia chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước như những nhà cung ứng hoặc các nhà thầu phụ trong tương lai: nhằm kêu gọi tăng cường chất lượng phối hợp giữa trường đại học và doanh nghiệp, đào tạo chính thức đặc biệt trong các lĩnh vực kỹ thuật, kỹ sư và khoa học tự nhiên. Đồng thời kêu gọi thiết lập các cơ chế về phát triển nguồn nhân lực dựa vào chuyển giao công nghệ như Trung tâm phát triển kỹ năng Penang hoặc các viện đào tạo kỹ thuật tiên tiến mà Singapore đã thiết lập với sự hợp tác của Nhật Bản, Đức và Pháp vào những năm 1980s.

- Cải thiện môi trường chính sách và thể chế cho việc ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ: với sự ủng hộ của chính phủ (hợp tác với khu vực tư nhân) nhằm thiết lập các viện nghiên cứu chuyên ngành và thực hiện các chương trình đào tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Các phương thức hiệu quả hơn sẽ ngăn chặn tình trạng giả mạo là yếu tố quyết định để áp dụng các sáng chế, nhãn hiệu thương mại và kiểu dáng công nghiệp; trong khi các thủ tục áp dụng đơn giản và hiệu quả hơn chỉ có ý nghĩa cho nhãn hiệu thương mại.

- Tăng cường chính sách hỗ trợ và củng cố môi trường thể chế cho hoạt động đầu tư và kinh doanh.

- Tăng cường hợp tác khu vực để xây dựng cơ sở hạ tầng nghiên cứu và phát triển cho khu vực và các nước thành viên ASEAN.

- Tạo môi trường nghiên cứu tự do và khuyến khích hợp tác công-tư trong lĩnh vực nghiên cứu – phát triển.

Đối với trụ cột 3, để xây dựng ASEAN tăng trưởng toàn diện và có khả năng phục hồi sau năm 2015, báo cáo của ERIA đưa ra một số khuyến nghị cụ thể:

- Thẻ chế hóa Chỉ số chính sách về SME ASEAN: đây là cơ chế cho tiến trình từng bước và cân bằng để cải thiện phù hợp môi trường chính sách và thẻ chế cho SME trong ASEAN. Việc này sẽ mang lại những lợi ích cụ thể trong các lĩnh vực công nghệ, tiếp cận tài chính và thúc đẩy sự phát triển của SME.

- Tăng cường cam kết của chính phủ đối với khuôn khổ đối tác công- tư (PPP) và năng lực của AMS để lựa chọn, triển khai và quản lý các dự án PPP: để giúp giải quyết các thách thức cơ sở hạ tầng về kết nối khu vực cũng như các liên kết các ngoại vi quốc gia về trung tâm tăng trưởng. Trong đó, AMS cần đầu tư nhiều quỹ hơn cho triển khai dự án PPP, chiếm tới 5-10% tổng chi phí dự án, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia tư vấn vì các dự án PPP thường phức tạp; thiết lập môi trường pháp lý và thẻ chế linh hoạt để thực thi các dự án PPP...

- Thúc đẩy tăng trưởng của nông nghiệp là chiến lược chính để giảm nghèo và thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn ở một số nước thành viên ASEAN: đặc biệt với các nước CLMV nơi mà ngành nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ chốt để phát triển kinh tế nông nghiệp thì việc đầu tư cơ sở hạ tầng công cộng, nghiên cứu và phát triển, tín dụng nông thôn là rất quan trọng; đối với ASEAN-4, tập trung vào nâng cao năng suất lao động, phân bổ nguồn lực hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp (chủ yếu hướng tới sản xuất giá trị gia tăng) và ổn định giá cả; đối với khu vực ASEAN, cần có chế độ chính sách thương mại phối hợp và tin cậy, cải thiện kết nối của chuỗi cung ứng trong các sản phẩm nông nghiệp, và nâng cao hợp tác khu vực trong nghiên cứu và phát triển, có các chiến lược an toàn thực phẩm và quản lý rủi ro cho người nông dân.

- Thẻ chế hóa Chỉ số Bát gạo ASEAN như một cơ chế để xác định năng lực của mỗi nước thành viên ASEAN nhằm giải quyết các quan ngại về an ninh lương thực.

- Hướng tới an ninh năng lượng và ASEAN tăng trưởng xanh: ASEAN và các nước Đông Á cần phải ưu tiên khuyến khích tiết kiệm năng lượng và sử dụng công nghệ có hàm lượng cacbon thấp cũng như sử dụng năng lượng tái tạo, cụ thể như: thúc đẩy các chính sách hỗ trợ năng lượng tái tạo và đặt ra mục tiêu phù hợp; xây dựng khuôn khổ hỗ trợ sử dụng công nghệ có hàm lượng cacbon thấp và hiệu quả thông qua kêu gọi sự hỗ trợ quốc tế để bảo đảm ASEAN tiếp cận với các cơ chế này; thúc đẩy sử dụng nhiên liệu sinh học trong giao thông vận tải...

- Về quản lý rủi ro, ASEAN cần quan tâm: (i) tăng cường hợp tác khu vực trong việc ứng phó nhanh với các tình huống khẩn cấp và giảm thiểu thiên tai trong khu vực, nâng cao tiêu chuẩn về ứng phó nhanh với các thảm họa, chia sẻ kinh nghiệm giữa các chuyên gia và các đối tượng liên quan trong quản lý thảm họa; (ii) các quốc gia cần nỗ lực để phối hợp các chính sách, các chương trình về giảm rủi ro thảm họa và tăng cường năng lực trong quản lý thảm họa; xây dựng các cơ chế chính thức để xác định các rủi ro thảm họa ở cấp quốc gia và khu vực, kiểm tra và thực thi các cơ chế bảo đảm ở cấp khu vực để giúp giải quyết các tác động của thảm họa thiên tai; (iii) thiết lập trung tâm ASEAN về dữ liệu rủi ro thảm họa...

- Về bảo vệ xã hội, ASEAN cần tập trung: thiết lập hệ thống bảo hiểm y tế vững mạnh, triển khai các cơ chế chuyển giao hiệu quả, làm cho hệ thống an sinh xã hội hoạt động hiệu quả hơn và hiện đại hơn...

Đối với trụ cột 4, trụ cột này làm sâu sắc hơn nội dung “hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu” của AEC Blueprint để bao gồm các vấn đề lợi ích cho ASEAN trong cộng đồng các quốc gia toàn cầu. Điểm cốt lõi là RCEP và vai trò trung tâm của ASEAN trong tiến trình hội nhập, sự xung đột giữa cần phải tăng cường các thể chế ASEAN đặc biệt là Ban Thư ký ASEAN và quyền tự quyết của quốc gia, làm thế nào để ASEAN có tiếng nói trên các diễn đàn quốc tế và củng cố tiếng nói của các nước thành viên.

Lý do tại sao RCEP quan trọng với ASEAN vì sự hội nhập sâu hơn của Đông Á, theo đó, lợi ích đối với các AMS sẽ lớn hơn so với việc chỉ có AEC, phản ánh sự thật rằng các nền kinh tế ASEAN hội nhập rất nhiều trong các mạng lưới sản xuất ở khu vực Đông Á, và Đông Á là thị trường lớn hơn nhiều so với chỉ có ASEAN. Điều này cũng có nghĩa là chiến lược ASEAN hiện nay về hướng tới AEC cùng với việc làm sâu hơn hội nhập kinh tế với phần còn lại của Đông Á thông qua RCEP là hướng đi phù hợp.

Điều quan trọng đối với các nước thành viên ASEAN là có khuôn khổ và cách tiếp cận phù hợp trong đàm phán RCEP. Báo cáo của ERIA đưa ra một số khuyến nghị cho ASEAN trong xây dựng chương trình nghị sự RCEP như sau:

- Đặt mục tiêu xóa bỏ ít nhất 95% thuế quan, thông qua “cam kết chung” và sử dụng quy tắc xuất xứ tự do nhằm hỗ trợ việc mở rộng các mạng lưới sản xuất khu vực.

- Tối thiểu hóa “các NTM cốt lõi” có xu hướng được sử dụng vì mục đích bảo hộ thương mại.

- Sử dụng AFAS kể cả cách tiếp cận theo công thức như một cách tiếp cận hiện đại để tự do hóa dịch vụ trong RCEP.

- Đưa ra các chương trình thuận lợi hóa thương mại cụ thể và rõ ràng (như trong ASEAN) và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng FTA.

- Thiết lập các thỏa thuận về vấn đề thực thi RCEP như cơ chế giải quyết tranh chấp trong RCEP, khả năng rà soát chính sách thương mại như trong WTO nhằm nâng cao sự minh bạch trong RCEP, vận dụng điều khoản gia nhập mở.

- Bảo đảm sự hợp tác kinh tế và kỹ thuật chặt chẽ trong RCEP để hỗ trợ các nước thành viên ASEAN kém phát triển.

Việc củng cố vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc kinh tế mới nổi ở Đông Á và gia tăng tiếng nói của ASEAN trong các diễn đàn khu vực và quốc tế cần có sự hội nhập sâu trong ASEAN và sự gắn kết chặt chẽ giữa các nước thành viên. Ngoài quyết tâm chính trị, ASEAN có thể tăng cường hợp tác với APEC với các lĩnh vực hợp tác và học hỏi lẫn nhau như: tạo thuận lợi cho thương mại và kinh doanh, tiêu chuẩn và chất lượng, chuỗi cung ứng và kết nối khu vực, cải cách cơ cấu (cải cách hành chính, quản lý công và quản trị doanh nghiệp, tăng cường cơ sở hạ tầng kinh tế

và pháp lý), tăng cường minh bạch hóa nhận thức về tiến trình hội nhập kinh tế khu vực, tăng cường vai trò của khu vực tư nhân trong tiến trình ASEAN.

Tuy nhiên, ASEAN đối mặt với những vướng mắc về thể chế. Một phần vì ASEAN không giải quyết trực diện vướng mắc chính là làm thế nào nâng cao hiệu quả của các thể chế khu vực trong khi giữ vững quyền tự quyết của quốc gia và duy trì sự đa dạng của khu vực. Việc duy trì vai trò trung tâm của ASEAN và nâng cao tiếng nói của ASEAN trên các diễn đàn quốc tế cần có quyết tâm chính trị mạnh mẽ của các nước thành viên để làm sâu sắc hơn hội nhập kinh tế trong ASEAN và Đông Á.

Để giải quyết vướng mắc về thể chế mà ASEAN đang đối mặt, Báo cáo ERIA cũng đã đưa ra một số khuyến nghị như sau: Cơ chế ra quyết định linh hoạt hơn (sử dụng hình thức bỏ phiếu đối với vấn đề không nhạy cảm và cần sự đồng thuận với các vấn đề nhạy cảm); xây dựng cơ chế giám sát độc lập; sử dụng quy tắc linh hoạt về sự đóng góp tài chính của các thành viên; tăng cường thực thi cơ chế giải quyết tranh chấp; tăng cường năng lực của Ban Thư ký ASEAN; tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân; xác định rõ chức năng và mối quan hệ của các cơ quan/ thể chế ASEAN./.